

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **141/2019/DS-ST**

Ngày 08 - 11 - 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Lên.

Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thảo Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 371/2019/TLST-DS ngày 16/8/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 330/2019/QĐXXST-DS ngày 01/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 322/2019/QĐST-DS ngày 21/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kim Mơ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp Nhà Máy A, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn K, sinh năm 1980

Chị Nguyễn Mộng C1, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989.
(Có ủy quyền cho chị Mơ tại giấy ủy quyền 16/9/2019).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

Chị Mơ, chị C1 có mặt tại phiên tòa. Anh K vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Anh D vắng mặt có ủy quyền cho chị Mơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2019 của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Vào thời gian nào không nhớ cụ thể vợ chồng chị C1 và anh K có nhờ vợ chồng chị Mơ và anh D vay tiền dùm, sau đó vợ chồng chị Mơ đi vay tiền của người khác rồi cho vợ chồng chị C1 vay lại chứ không có vay tiền dùm. Vợ chồng chị Mơ cho vợ chồng chị C1 vay tiền nhiều lần cụ thể số tiền bao nhiêu không nhớ, khi vay không có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, trong quá trình vay tiền không có trả vốn, nhưng có trả lãi, đến ngày 25/10/2018 thì tổng nợ lại là 111.000.000 đồng và vợ chồng chị C1 và anh K có cầm cố cho vợ chồng chị Mơ 01 sổ đăng kiểm tàu cá số 150207/ĐKTC và 01 giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số CM 7696 TS do Nguyễn Mộng C1 đứng tên, giữa 02 bên có làm giấy tay là giấy cầm cố thế chấp ngày 25/10/2018 có nội dung “Tôi Nguyễn Mộng C1 và chồng Đỗ Văn K có hỏi của ông bà Nguyễn Văn D và vợ là Nguyễn Kim Mơ số tiền 111.000.000 đồng, lãi suất 10 phân/tháng”. Kể từ ngày 25/10/2018 đến nay vợ chồng chị C1 không có trả vốn, nhưng có trả lãi được 2.000.000 đồng. Vợ chồng chị C1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận.

Chị Mơ yêu cầu chị C1 và anh K trả số tiền vốn 111.000.000 đồng và tiền lãi 01 tháng là $1,125\%/\text{tháng} \times 7 \text{ tháng} = 8.741.250$ đồng trừ đi số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, tổng số tiền là 117.741.250 đồng. Tại phiên tòa chị Mơ rút lại yêu cầu đối với phần tiền lãi, chỉ yêu cầu số tiền vốn là 111.000.000 đồng.

- Lời trình bày của bị đơn Nguyễn Mộng C1 tại biên bản làm việc ngày 03/9/2019 và biên bản hòa giải ngày 23/9/2019 có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Năm 2017 vợ chồng chị C1 và anh K có hỏi vay tiền của vợ chồng chị Mơ và anh D nhiều lần số tiền cụ thể không nhớ, lãi suất thỏa thuận 10 đến 15 %/tháng, khi vay không có làm biên nhận, trong quá trình vay tiền có trả lãi, đến ngày 25/10/2018 thì kết nợ lại vợ chồng chị C1 còn nợ vợ chồng chị Mơ số tiền 111.000.000 đồng (nhưng trong đó tiền vốn là 80.000.000 đồng, số tiền còn lại là tiền lãi) và có cầm cố 01 sổ đăng kiểm tàu cá, 01 giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, việc kết nợ có làm giấy cầm cố thế chấp. Kể từ ngày 25/10/2018 đến nay thì vợ chồng chị C1 đã trả được 03 tháng tiền lãi, mỗi tháng 12.000.000 đồng, sau đó có đưa thêm 2.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi trả được khi kết nợ là 38.000.000 đồng (đối với việc trả khoản tiền lãi này thì không có làm biên nhận và cũng không có gì để chứng minh), đối với tiền lãi trả từ năm 2017 đến khi kết nợ thì không nhớ bao nhiêu và không chứng minh được.

Chị C1 yêu cầu Tòa án tính lãi khoản nợ 111.000.000 đồng theo quy định của pháp luật ra bao nhiêu tiền rồi sau đó đối trừ với số tiền lãi đã trả 38.000.000 đồng, còn lại vốn và lãi bao nhiêu thì đồng ý trả, nhưng xin trả hàng tháng. Tại phiên tòa chị C1 đồng ý trả số tiền 111.000.000 đồng, nhưng xin số tiền lãi và yêu cầu được trả mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Lời trình bày của bị đơn Đỗ Văn K tại biên bản làm việc ngày 21/10/2019 có tại hồ sơ, thể hiện:

Anh K xác định đã được nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến nay. Năm 2017 vợ chồng anh K và chị C1 có đến hỏi vay tiền của chị Mơ nhiều lần (mỗi lần 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng), tổng số tiền vay là 80.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10 đến 15 %/tháng, trong quá trình vay thì có đóng lãi (nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu, khi trả không có làm giấy tờ gì và không có gì để chứng minh), việc trả vốn không có, đến ngày 25/10/2018 thì kết nợ lại số tiền vợ chồng tôi thiếu là 111.000.000 đồng tại giấy cầm cố thế chấp ngày 25/10/2018 (trong đó vốn gốc là 80.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi) và cầm cố giấy tờ ghe cho bên chị Mơ giữ. Kể từ khi kết nợ thì có trả lãi 3.000.000 đồng, sau đó gửi 2.000.000 đồng (tổng số lãi trả được khi kết nợ là 5.000.000 đồng), việc trả lãi sau khi kết nợ cũng không có tài liệu gì để chứng minh.

Trước yêu cầu khởi kiện của chị Mơ thì anh K xác định là nợ chung giữa anh K và chị C1. Anh K đồng ý trả cho chị Mơ số tiền 111.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật từ ngày kết nợ cho đến nay, nhưng xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 111.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn Đỗ Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào **Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự** xét xử vắng mặt bị đơn Khanh.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* **Nguyên đơn** xác định **bị đơn** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. **Nguyên đơn** khởi kiện **bị đơn** về việc vay tài sản và **bị đơn** có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo quy định tại **khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự**.

[3] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn:* Các đương sự đều xác định trước thời điểm ngày 25/10/2018 bị đơn có

vay tiền của nguyên đơn nhiều lần nhưng không nhớ chính xác từng lần vay tiền, đến ngày 25/10/2018 hai bên có làm giấy cầm cố thế chấp kết nợ với nội dung bị đơn hỏi vay của nguyên đơn số tiền 111.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Bị đơn cho rằng số tiền 111.000.000 đồng (trong đó chỉ có 80.000.000 đồng là tiền vốn, còn lại là tiền lãi) nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và sự việc này nguyên đơn đã chứng minh được thể hiện tại giấy cầm cố thế chấp ngày 25/10/2018, nên có căn cứ xác định số tiền vốn gốc là 111.000.000 đồng và bị đơn cũng đồng ý trả khoản tiền này cho nguyên đơn. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nên cần buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 111.000.000 đồng là phù hợp với **Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự**. Đối với số tiền lãi 6.741.250 đồng, tại phiên tòa chị Mơ tự nguyện rút yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tiền lãi của chị Mơ. Ngoài ra, khoản tiền vay này là giao dịch do vợ chồng chị C1 và anh K cùng xác lập, do đó cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp với **Điều 288 Bộ luật dân sự**.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 111.000.000 đồng.

[4] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn; đối với nguyên đơn do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; **Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự**; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Kim Mơ. Buộc bị đơn Đỗ Văn K và Nguyễn Mộng C1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Nguyễn Kim Mơ số tiền **111.000.000 đồng** (Một trăm mười một triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy

định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tiền lãi 6.741.250 đồng của chị Nguyễn Kim Mơ.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn Nguyễn Mộng C1 và Đỗ Văn K phải nộp là 5.550.000 đồng.

- Nguyên đơn đã dự nộp tạm ứng án phí trước với số tiền là 1.766.000 đồng theo biên lai thu số 0002550 ngày 15/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Chị Mơ, chị C1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K, anh D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung